

Số: 25b/TB - ĐHNT - CTCT&SV

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

***Về việc miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập
đối với sinh viên đang học tại trường
Học kỳ I, năm học 2025 - 2026***

(Lần thứ 2)

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn 296/BDTTG-CS ngày 10/4/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025,

Nhà trường hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I, năm học 2025 - 2026 đối với sinh viên đang học tập tại trường như sau:

I. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

1. Đối tượng được miễn học phí

1.1. Sinh viên là thân nhân (vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) của người có công với cách mạng (liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học...) theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1.2. Sinh viên khuyết tật.

1.3. Người học từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- i) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- k) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

1.4. Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1.5. Sinh viên người **dân tộc thiểu số** có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) **thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.6. Sinh viên **người dân tộc thiểu số rất ít người** (*Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ*) quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng được giảm học phí

2.1. *Các đối tượng được giảm 70% học phí:* Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. *Các đối tượng được giảm 50% học phí:* Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3. Cơ chế xét miễn, giảm học phí

- Nhà trường triển khai việc xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo từng học kỳ. Vào đầu học kỳ, Nhà trường có Thông báo về việc miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được đăng trên website của Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên: ctctsv.ftu.edu.vn và gửi tới các Viện, Khoa, Phòng, các lớp trưởng để thông báo đến toàn thể sinh viên đang học tại trường. Đề nghị sinh viên theo dõi và nộp hồ sơ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo đúng quy định và thời hạn để Nhà trường thực hiện việc chi trả miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đúng tiến độ cho sinh viên.

- Sinh viên tốt nghiệp muôn khóa 59, khóa 60 (*không vi phạm quy chế đào tạo*) thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí phải **nộp lại 02 bộ hồ sơ đầy đủ** theo Thông báo để xét (*Ghi rõ lý do tốt nghiệp muôn trong Đơn xin xét miễn, giảm học phí*).

- Không áp dụng chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học, bảo lưu hoặc buộc thôi học, học lại, học bổ sung.

4. Hồ sơ xét miễn, giảm học phí

Tất cả các sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí đều phải nộp **02 bộ hồ sơ** bao gồm các giấy tờ (**bản sao công chứng**) sau:

1. Đơn đề nghị xét miễn, giảm học phí (*theo Mẫu đính kèm*);

2. Giấy khai sinh;

3. Các minh chứng thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí (*do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn xét; Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; vùng đặc biệt khó khăn cấp cho năm 2025*), cụ thể:

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với sinh viên là thân nhân của **người có công với cách mạng quy định tại mục 1.1.**

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với **sinh viên khuyết tật** quy định tại mục 1.2.

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội hoặc Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh áp dụng đối với đối tượng quy định tại mục 1.3.

- Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho **sinh viên là dân tộc thiểu số, có cha mẹ (hoặc ông, bà) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo** quy định tại mục 1.5.

- Giấy xác nhận nơi cư trú của cơ quan công an địa phương; Giấy xác nhận vùng đặc biệt khó khăn đối với đối tượng **sinh viên là người dân tộc thiểu số hoặc dân tộc thiểu số rất ít người, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn** được quy định tại mục 1.6 và mục 2.1.

- Quyết định hưởng trợ cấp của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với **sinh viên là con của cha, mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp** được quy định tại mục 2.2.

LƯU Ý:

- Các sinh viên thuộc đối tượng 1.1, 1.2, 1.3 và 2.2 **đều phải nộp 02 bộ hồ sơ** theo quy định của Thông báo.

- Sinh viên thuộc đối tượng dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (1.5, 1.6 và 2.1) thì từng học kỳ phải nộp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; Giấy xác nhận vùng đặc biệt khó khăn và Giấy xác nhận nơi cư trú do cơ quan có thẩm quyền cấp **có thời hạn đến hết thời gian của học kỳ xét miễn, giảm học phí.**

II. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ và mức hỗ trợ

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo (*được chính quyền địa phương xác nhận thuộc đối tượng trên tại thời điểm thuộc học kỳ xét*). Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người, đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ (*được chính quyền địa phương xác nhận thuộc đối tượng trên tại thời điểm thuộc học kỳ xét*). Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 100% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

- Không áp dụng đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

2. Quy định về dừng cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập

Sinh viên bị dừng cấp kinh phí hỗ trợ học tập khi vi phạm một trong những điều sau:

a) Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì cơ sở giáo dục đại học công lập dừng thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập vào kỳ học tiếp theo.

b) Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập thì cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kỳ học tiếp theo sau khi sinh viên nhập học lại.

3. Cơ chế xét

a) Trong quá trình học, nếu gia đình sinh viên thuộc diện **đã thoát nghèo** thì sinh viên **có trách nhiệm nộp văn bản chứng nhận hộ đã thoát nghèo để dừng việc** chi trả chi phí học tập cho kỳ tiếp theo.

b) Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập nhưng đầu mỗi học kỳ không nộp Hồ sơ xét hỗ trợ chi phí học tập đúng quy định và thời hạn theo thông báo của Nhà trường sẽ không được nhận hỗ trợ chi phí học tập của học kỳ đó.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập

Sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập phải nộp **02** bộ hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ chi phí học tập theo từng học kỳ, bao gồm các giấy tờ (*bản sao công chứng*) sau:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*theo mẫu đính kèm*);
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã cấp (Năm 2025);
- Giấy khai sinh;
- Giấy xác nhận nơi cư trú do địa phương cấp trong thời hạn xét;
- Các giấy tờ có liên quan.

III. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ

Thời gian và địa điểm nộp Hồ sơ xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I, năm học 2025 - 2026 như sau:

- **Thời gian:** Từ ngày 18/9/2025 đến ngày 30/9/2025

- **Địa điểm:** Sinh viên nộp hồ sơ trực tiếp tại **Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, P 205, Tầng 2, Nhà A, trường Đại học Ngoại thương.**

Chú ý: Sinh viên xem các thông báo liên quan và danh sách dự kiến miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tại website: www.ctctsv.ftu.edu.vn. Thời hạn xem xét, thắc mắc trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng thông tin lên website. Sau khi Nhà trường ban hành quyết định, mọi thắc mắc sẽ không được giải quyết./

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CTCT&SV

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- P.KHTC, P.QLĐT, V.KT&KDQT,
- K.TCNH, K.QTKD, K.KT-KT, K.KTQT,
- K.Luật, K.TATM, K.TPTM, K.TTrTM,
- K.TNTM, K.KHCT&NV, TTHTSV, ĐTN;
- Lưu: Văn thư, P. CTCT&SV.

(Đã ký)

TS Bùi Liên Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và
giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Ngoại thương

Họ và tên: Số căn cước/căn cước công dân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:.....

Lớp:..... Khóa:..... Khoa:.....

Mã số sinh viên:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số...../2025/NĐ-CP)*

Căn cứ vào Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét
để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng....năm 2025

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: **Ban giám hiệu trường Đại học Ngoại thương**

Họ và tên:.....Dân tộc:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Ngành:.....Chuyên ngành:.....Khóa:.....

Mã số sinh viên:.....

Điện thoại:.....

Thuộc đối tượng:.....

.....

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét hỗ trợ chi phí học tập theo quy định./.

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)